

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 41/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 24 tháng 6 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh, bổ sung và giao chi tiết danh mục dự án đầu tư từ phần vốn còn lại nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ MƯỜI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 864/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của các địa phương tại các Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022, số 147/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Công văn số 5817/BKHĐT-TCTT ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc trả lời kiến nghị của địa phương về tổ chức thực

hiện Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội;

Thực hiện Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc cập nhật danh mục dự án đầu tư từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh giai đoạn 05 năm (2021-2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Xét Tờ trình số 48/TTr-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh và giao chi tiết danh mục dự án đầu tư từ phần vốn còn lại nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình Dự thảo Nghị quyết phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương giao bổ sung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 05 năm (2021 - 2025); Báo cáo thẩm tra số 77/BC-HĐND ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh, bổ sung và giao chi tiết danh mục dự án đầu tư từ phần vốn còn lại nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Cụ thể như sau:

1. Thống nhất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 – 2025 dự kiến để khen thưởng công trình phúc lợi cho các xã, huyện đạt chuẩn giai đoạn 2023 – 2025 tại Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022, với số vốn là 38.000 triệu đồng, để điều chỉnh tăng kế hoạch vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn 04 đơn vị cấp huyện: Ea Kar, Krông Ana, Cư Kuin và Buôn Hồ.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

Các nội dung khác không điều chỉnh thì tiếp tục thực hiện theo các Nghị quyết số: 27/NQ-HĐND ngày 24 tháng 8 năm 2022; 47/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao chi tiết danh mục các dự án từ nguồn vốn 48.390 triệu đồng kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của từng số liệu, số vốn, nội dung; đảm bảo đúng quy định pháp luật về Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị quyết của Quốc hội và các quy định pháp luật khác liên quan; đúng nguyên tắc phân bổ vốn tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp thứ Mười thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa

Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH
TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
(Kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn ĐTPPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021 - 2025 đã giao	Điều chỉnh		Kế hoạch vốn ĐTPPT nguồn NSTW và NST giai đoạn 2021 - 2025 sau điều	Ghi chú
			Giảm (-)	Tăng (+)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TỔNG CỘNG	1,616,960	38,000	38,000	1,616,960	
A	PHÂN BỐ CHO CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI	1,568,960	-	35,000	1,603,960	
1	Thành phố Buôn Ma Thuột	70,133			70,133	
2	Thị xã Buôn Hồ	72,811		11,000	83,811	
3	Huyện Cư M'gar	133,444			133,444	
4	Huyện Krông Năng	109,428			109,428	
5	Huyện Buôn Đôn	101,167			101,167	
6	Huyện M'Đrắk	84,890			84,890	
7	Huyện Ea Kar	157,619		6,000	163,619	
8	Huyện Krông Pắc	130,380			130,380	
9	Huyện Ea H'leo	122,180			122,180	
10	Huyện Krông Búk	111,838			111,838	
11	Huyện Lắk	78,580			78,580	
12	Huyện Cư Kuin	102,209		11,000	113,209	
13	Huyện Ea Súp	110,883			110,883	
14	Huyện Krông Ana	108,008		7,000	115,008	
15	Huyện Krông Bông	75,390			75,390	
B	PHÂN BỐ ĐỂ THỰC HIỆN MÔ HÌNH CHƯƠNG TRÌNH OCOP	10,000		3,000	13,000	
1	Huyện Krông Ana	10,000	-	3,000	13,000	
C	DỰ KIẾN PHÂN BỐ KHEN THƯỞNG CÔNG TRÌNH PHÚC LỢI GIAI ĐOẠN 2023 - 2025	38,000	38,000		-	

Phụ lục II
GIAO CHI TIẾT DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH TỈNH
GIAI ĐOẠN 05 NĂM (2021-2025) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
ĐẮK LẮK

(Kèm theo Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng theo văn bản thông báo danh mục, mức vốn	Địa điểm xây dựng theo đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp	Cơ chế đầu tư (Thông thường/ Đặc thù)	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư dự kiến	Khu vực (xã, thôn, buôn)	Mức hỗ trợ tối đa từ NSTW và NST theo Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND	Tổng mức đầu tư dự kiến					Kế hoạch vốn NSTW và NST giai đoạn 2021 - 2025	Trong đó:		Ghi chú
									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Phân bổ kế hoạch vốn từ phần còn lại chưa giao chi tiết	Điều chỉnh phần vốn dự sau quyết toán của các dự án	
										NSTW, NST	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã	Huy động khác				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
	TỔNG CỘNG								58,250	50,061	7,362	478	349	50,061	48,390	1,671	
I	DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TỪ MÔ HÌNH CHỈ ĐẠO ĐIỂM CỦA TRUNG ƯƠNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH OCOP								13,000	13,000	-	-	-	13,000	13,000	-	
1	Nâng cấp, đầu tư cơ sở hạ tầng và hỗ trợ phát triển các sản phẩm để phục vụ điểm du lịch cộng đồng Buôn Kuốp.	Buôn Kuốp, xã Dray Sáp	Xã Ea Na	Thông thường	2025	Gồm các hạng mục: - Nhà sinh hoạt cộng đồng: Nhà tiêu chuẩn cấp 4; - Nhà dài đặc trưng của đồng bào dân tộc Ê đê: Nhà tiêu chuẩn cấp 4; - Nhà vệ sinh công cộng (Cố định tại trung tâm nhà SHCĐ); - Sân khấu ngoài trời: Diện tích khoảng 80m²; - Gian hàng trưng bày sản phẩm tiêu biểu của địa phương (được bố trí trong nhà dài); - Đường xuống khu Bền nước và công trình kèm theo (gồm 02 tuyến đường LT.06 và LT.07), Đường BTXM cấp B, tổng chiều dài tuyến khoảng 1,55km. - Nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng từ công buôn Kuốp vào đến nhà sinh hoạt cộng đồng; - Hạ tầng kỹ thuật tại khuôn viên Nhà cộng đồng (sân bê tông, công tường rào, cấp thoát nước, đèn Năng lượng, tiêu cảnh...)	KV I	NSTW và NST hỗ trợ thực hiện mô hình điểm phát triển sản phẩm OCOP về du lịch cộng đồng gắn với phát huy giá trị văn hóa và nghề truyền thống theo Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 11/9/2024	13,000	13,000	-	-	-	13,000	13,000	-	
II	HUYỆN EA KAR								7,830	6,000	1,710	20	100	6,000	6,000	-	
1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông ĐX2, ĐX3, xã Ea Ô, huyện Ea Kar.	Xã Ea Ô	Xã Ea Ô	Thông thường	2025	Đường GTNT cấp A, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài khoảng 2,9km (02 tuyến)	KV I	NSTW và NST hỗ trợ tối đa 90% TMĐT	7,830	6,000	1,710	20	100	6,000	6,000	-	

III	HUYỆN KRÔNG ANA								8,277	7,449	818	-	10	7,449	7,000	449	
1	Đường giao thông từ xã Dư Kmăl đi xã Bắng A Drênh, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk	Xã Dư Kmăl và xã Bắng A Drênh	Xã Dư Kmăl	Thông thường	2025	Đường GTNT cấp B; tổng chiều dài khoảng 2,3 km (02 tuyến)	KV I	NSTW và NST hỗ trợ tối đa 90% TMĐT	8,277	7,449	818		10	7,449	7,000	449	
IV	HUYỆN CƯ KUIN								14,426	11,335	2,444	458	189	11,335	11,000	335	
1	Đường giao thông liên xã ĐX 1 và ĐX 2, xã Cư Êwi	Xã Cư Êwi	Xã Ea Ning	Thông thường	2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài khoảng 1,8km (02 tuyến)	KV I	NSTW và NST hỗ trợ tối đa 90% TMĐT	3,431	3,088	245	46	52	3,088	2,753	335	
2	Đường giao thông liên thôn, buôn từ thôn 1A đi thôn 1B và Buôn Tắc Mngà đi thôn 12, xã Cư Êwi	Xã Cư Êwi	Xã Ea Ning	Thông thường	2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM; tổng chiều dài khoảng 2,6km (03 tuyến)	KV I	NSTW và NST hỗ trợ tối đa 75% TMĐT	3,865	2,899	773	145	48	2,899	2,899	-	
3	Đường giao thông liên thôn các thôn 4, 5, 2, 3, 1A, xã Cư Êwi.	Xã Cư Êwi	Xã Ea Ning	Thông thường	2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM; tổng chiều dài khoảng 2,3km (04 tuyến)	KV I	NSTW và NST hỗ trợ tối đa 75% TMĐT	3,450	2,588	690	129	43	2,588	2,588	-	
4	Đường giao thông liên thôn từ thôn 3 đi thôn 9, xã Ea Bhók	Xã Ea Bhók	Xã Ea Ning	Thông thường	2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM; tổng chiều dài khoảng 2,3km	KV I	NSTW và NST hỗ trợ tối đa 75% TMĐT	3,680	2,760	736	138	46	2,760	2,760	-	
V	THỊ XÃ BUÔN HỒ								14,717	12,277	2,390	-	50	12,277	11,390	887	
1	Đường giao thông liên xã (Tuyến số 7, từ Buôn Dhu, xã Ea Đrông đến giáp xã Ea Siên), thị xã Buôn Hồ	Xã Ea Đrông	Xã Ea Đrông	Thông thường	2025	Đường GTNT cấp A, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài khoảng 3 km	KV I	NSTW và NST hỗ trợ tối đa 90% TMĐT	8,628	7,765	841		22	7,765	7,688	77	
2	Đường giao thông thôn 8 (đoạn từ ngã ba nhà ông Sậu đến nhà ông Tờ), xã Ea Siên, thị xã Buôn Hồ	Xã Ea Siên	Xã Ea Đrông	Thông thường	2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài khoảng 1,9 km	KV I	NSTW và NST hỗ trợ tối đa 75% TMĐT	4,489	3,312	1,159		18	3,312	3,312	-	
3	Đường giao thông thôn 8 (đoạn từ ngã ba nhà ông Sậu đến nhà ông Tờ), xã Ea Siên, thị xã Buôn Hồ (đoạn từ Km1+900 ÷ Km2+500)	Xã Ea Siên	Xã Ea Đrông	Thông thường	2025	Đường GTNT cấp B, kết cấu mặt đường BTXM, tổng chiều dài khoảng 0,6 km	KV I	NSTW và NST hỗ trợ tối đa 75% TMĐT	1600	1,200	390		10	1,200	390	810	